TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 16/02/2023

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Quốc Anh	Nam	28/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	109/QĐ30/2023	TH004636	
2	Đậu Tôn Kiếm Anh	Nam	13/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	110/QĐ30/2023	TH004637	
3	Bùi Thị Mai Anh	Nữ	28/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	111/QĐ30/2023	TH004638	
4	Lê Thị Vân Anh	Nữ	21/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	112/QĐ30/2023	TH004639	
5	Lê Kiều Diệu Anh	Nữ	14/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	113/QĐ30/2023	TH004640	
6	Cao Tuấn Anh	Nam	19/5/2002	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	114/QĐ30/2023	TH004641	
7	Lê Thị Linh Chi	Nữ	30/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	115/QĐ30/2023	TH004642	
8	Trần Ngọc Bảo Chung	Nam	09/11/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	116/QĐ30/2023	TH004643	
9	Phạm Hương Giang	Nam	03/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	117/QĐ30/2023	TH004644	
10	Bùi Quang Hiệp	Nam	11/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	118/QĐ30/2023	TH004645	
11	Trần Hiệp	Nam	27/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	119/QĐ30/2023	TH004646	
12	Nguyễn Viết Hiếu	Nam	26/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	120/QĐ30/2023	TH004647	
13	Nguyễn Dương Hoàng	Nam	08/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	6.0	121/QĐ30/2023	TH004648	
14	Nguyễn Khắc Hoàng	Nam	17/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	122/QĐ30/2023	TH004649	
15	Nguyễn Quang Huy	Nam	20/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	123/QĐ30/2023	TH004650	
16	Nguyễn Lưu Huyền	Nam	15/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	124/QĐ30/2023	TH004651	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
17	Phan Nguyễn Khánh Linh	Nữ	06/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	125/QĐ30/2023	TH004652	
18	Phan Thị Khánh Ly	Nữ	24/10/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	5.5	126/QĐ30/2023	TH004653	
19	Trần Văn Nam	Nam	02/5/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	127/QĐ30/2023	TH004654	
20	Đặng Thị Linh Ngân	Nữ	06/12/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	128/QĐ30/2023	TH004655	
21	Nguyễn Khắc Ánh Nhân	Nam	17/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	129/QĐ30/2023	TH004656	
22	Đinh Đặng Yến Nhi	Nữ	09/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	5.5	130/QĐ30/2023	TH004657	
23	Cao Thị Thu Phương	Nữ	18/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	131/QĐ30/2023	TH004658	
24	Lê Thị Phượng	Nữ	25/12/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	132/QĐ30/2023	TH004659	
25	Lê Hồng Quân	Nam	22/3/2005	Nghệ An	Kinh	7.3	8.0	133/QĐ30/2023	TH004660	
26	Nguyễn Hồng Quân	Nam	06/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	134/QĐ30/2023	TH004661	
27	Phạm Quốc Quân	Nam	30/10/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	135/QĐ30/2023	TH004662	
28	Trần Đình Quân	Nam	13/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	136/QĐ30/2023	TH004663	
29	Võ Đình Quân	Nam	28/3/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	5.5	137/QĐ30/2023	TH004664	
30	Bùi Ngọc Quý	Nam	20/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	138/QĐ30/2023	TH004665	
31	Võ Trọng Quỳnh	Nam	23/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	139/QĐ30/2023	TH004666	
32	Nguyễn Phú Tài	Nam	08/6/2005	Thừa Thiên Huế	Kinh	6.3	8.0	140/QĐ30/2023	TH004667	
33	Nguyễn Mạnh Thắng	Nam	09/12/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	141/QĐ30/2023	TH004668	
34	Nguyễn Văn Thắng	Nam	17/12/2004	Nghệ An	Kinh	7.0	6.0	142/QĐ30/2023	TH004669	
35	Lê Xuân Thiên	Nam	23/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	143/QĐ30/2023	TH004670	
36	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	09/6/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	144/QĐ30/2023	TH004671	
37	Nguyễn Công Bảo Tín	Nam	23/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	145/QĐ30/2023	TH004672	
38	Doãn Văn Trường	Nam	25/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	146/QĐ30/2023	TH004673	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
39	Lê Thị Phương Uyên	Nữ	10/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	147/QĐ30/2023	TH004674	
40	Lê Thị Lan Anh	Nữ	25/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	148/QĐ30/2023	TH004675	
41	Mai Quỳnh Anh	Nữ	28/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	149/QĐ30/2023	TH004676	
42	Lê Đình Nguyễn Anh	Nam	30/7/2005	Thừa Thiên Huế	Kinh	5.3	6.0	150/QĐ30/2023	TH004677	
43	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	16/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	151/QĐ30/2023	TH004678	
44	Dương Văn Cường	Nam	09/12/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	152/QĐ30/2023	TH004679	
45	Nguyễn Doãn Mạnh Cường	Nam	26/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	153/QĐ30/2023	TH004680	
46	Phạm Trọng Đạt	Nam	30/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	154/QĐ30/2023	TH004681	
47	Trương Xuân Đạt	Nam	06/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	155/QĐ30/2023	TH004682	
48	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	08/8/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	156/QĐ30/2023	TH004683	
49	Lê Trần Hà Giang	Nữ	10/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	157/QĐ30/2023	TH004684	
50	Trịnh Thị Hoa	Nữ	09/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	158/QĐ30/2023	TH004685	
51	Ma Thị Lam Hồng	Nữ	14/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	159/QĐ30/2023	TH004686	
52	Hoàng Thị Hường	Nam	03/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	160/QĐ30/2023	TH004687	
53	Lê Đình Huy	Nam	20/01/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	161/QĐ30/2023	TH004688	
54	Hồ Thị Mỹ Huyền	Nữ	19/01/2005	Thừa Thiên Huế	Kinh	5.7	7.0	162/QĐ30/2023	TH004689	
55	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	16/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	163/QĐ30/2023	TH004690	
56	Nguyễn Công Kiên	Nam	14/9/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	6.5	164/QĐ30/2023	TH004691	
57	Nguyễn Trung Kiên	Nam	19/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	165/QĐ30/2023	TH004692	
58	Dương Tuấn Kiệt	Nam	05/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	166/QĐ30/2023	TH004693	
59	Dương Khánh Linh	Nữ	07/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	167/QĐ30/2023	TH004694	
60	Lê Thùy Linh	Nữ	11/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	168/QĐ30/2023	TH004695	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
61	Nguyễn Hữu Mạnh	Nam	06/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	169/QĐ30/2023	TH004696	
62	Lê Quang Minh	Nam	01/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	170/QĐ30/2023	TH004697	
63	Ngô Đức Nhật	Nam	13/12/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	171/QĐ30/2023	TH004698	
64	Hoàng Thị Yến Nhi	Nữ	23/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	172/QĐ30/2023	TH004699	
65	Nguyễn Thị Thủy Nhi	Nữ	12/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	173/QĐ30/2023	TH004700	
66	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	11/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	174/QĐ30/2023	TH004701	
67	Nguyễn Quang Bảo Quốc	Nam	12/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	175/QĐ30/2023	TH004702	
68	Nguyễn Hồng Quyền	Nam	10/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	176/QĐ30/2023	TH004703	
69	Đặng Xuân Tài	Nam	07/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	177/QĐ30/2023	TH004704	
70	Phạm Trọng Anh Tài	Nam	21/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	178/QĐ30/2023	TH004705	
71	Trần Chiến Thắng	Nam	30/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	179/QĐ30/2023	TH004706	
72	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	18/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	180/QĐ30/2023	TH004707	
73	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	10/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	181/QĐ30/2023	TH004708	
74	Uông Vũ Quỳnh Trang	Nam	08/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	182/QĐ30/2023	TH004709	
75	Nguyễn Văn Trung	Nam	07/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	183/QĐ30/2023	TH004710	
76	Võ Anh Tú	Nam	27/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	184/QĐ30/2023	TH004711	
77	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	08/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	185/QĐ30/2023	TH004712	
78	Lê Thị Hoài An	Nữ	30/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	193/QĐ30/2023	TH004713	
79	Trương Thế Anh	Nam	20/6/2005	Thanh Hóa	Kinh	6.7	9.5	194/QĐ30/2023	TH004714	
80	Hồ Thị Thanh Chung	Nữ	07/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.0	195/QĐ30/2023	TH004715	
81	Nguyễn Thành Đạt	Nam	22/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	196/QĐ30/2023	TH004716	
82	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	27/11/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	197/QĐ30/2023	TH004717	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
83	Nguyễn Nam Đông	Nam	03/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	198/QĐ30/2023	TH004718	
84	Nguyễn Viết Đức	Nam	30/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	199/QĐ30/2023	TH004719	
85	Lê Đình Đức	Nam	01/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	200/QĐ30/2023	TH004720	
86	Nguyễn Văn Đức	Nam	14/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	201/QĐ30/2023	TH004721	
87	Phạm Thị Hằng	Nữ	17/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	202/QĐ30/2023	TH004722	
88	Phạm Văn Hiếu	Nam	08/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	203/QĐ30/2023	TH004723	
89	Phan Thanh Hoàn	Nam	02/11/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	204/QĐ30/2023	TH004724	
90	Giản Viết Hoàng	Nam	17/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	205/QĐ30/2023	TH004725	
91	Phùng Tuấn Hưng	Nam	02/11/2005	Nghệ An	Kinh	7.7	7.0	206/QĐ30/2023	TH004726	
92	Hoàng Nghĩa Huynh	Nam	13/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	207/QĐ30/2023	TH004727	
93	Nguyễn Văn Khải	Nam	29/8/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	208/QĐ30/2023	TH004728	
94	Hoàng Phấn Khanh	Nam	27/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	209/QĐ30/2023	TH004729	
95	Trần Đăng Khoa	Nam	28/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	210/QĐ30/2023	TH004730	
96	Trần Đức Lương	Nam	20/02/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	211/QĐ30/2023	TH004731	
97	Nguyễn Đình Lượng	Nam	12/11/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	212/QĐ30/2023	TH004732	
98	Vương Quốc Mạnh	Nam	12/03/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	213/QĐ30/2023	TH004733	
99	Nguyễn Hùng Mạnh	Nam	15/9/2003	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	214/QĐ30/2023	TH004734	
100	Phạm Nhật Minh	Nam	07/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	215/QĐ30/2023	TH004735	
101	Ngô Văn Nam	Nam	05/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	216/QĐ30/2023	TH004736	
102	Dương Hằng Nga	Nam	02/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	217/QĐ30/2023	TH004737	
103	Bùi Trần Hiếu Ngân	Nam	29/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	218/QĐ30/2023	TH004738	
104	Trần Công Nguyên	Nam	09/10/2005	Nghệ An	Kinh	7.3	6.0	219/QĐ30/2023	TH004739	
105	Cao Bá Nguyễn	Nam	21/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	220/QĐ30/2023	TH004740	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
106	Chu Văn Nhật	Nam	15/11/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	6.0	221/QĐ30/2023	TH004741	
107	Trịnh Thanh Phong	Nam	20/3/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	222/QĐ30/2023	TH004742	
108	Vi Văn Phú	Nam	24/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	223/QĐ30/2023	TH004743	
109	Nguyễn Minh Phương	Nữ	03/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	224/QĐ30/2023	TH004744	
110	Thái Đình Quân	Nam	12/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	225/QĐ30/2023	TH004745	
111	Ngô Thị Phương Thảo	Nữ	27/3/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	226/QĐ30/2023	TH004746	
112	Trần Văn Thể	Nam	18/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	227/QĐ30/2023	TH004747	
113	Cao Trọng Thuận	Nam	21/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	228/QĐ30/2023	TH004748	
114	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	29/9/2004	Ninh Bình	Kinh	5.3	6.0	229/QĐ30/2023	TH004749	
115	Chu Đình Tuấn	Nam	05/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	230/QĐ30/2023	TH004750	
116	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	24/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	231/QĐ30/2023	TH004751	
117	Bùi Thị Kim Vân	Nữ	05/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	232/QĐ30/2023	TH004752	
118	Bùi Tuấn Anh	Nữ	27/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	233/QĐ30/2023	TH004753	
119	Nguyễn Thế Anh	Nam	16/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	234/QĐ30/2023	TH004754	
120	Nguyễn Tuấn Anh	Nữ	07/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	235/QĐ30/2023	TH004755	
121	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	30/8/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	5.5	236/QĐ30/2023	TH004756	
122	Lâm Gia Bảo	Nam	14/7/2005	Đồng Nai	Kinh	6.3	6.5	237/QĐ30/2023	TH004757	
123	Lê Vương Bảo	Nam	18/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	238/QĐ30/2023	TH004758	
124	Lê Thành Đạt	Nam	03/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	239/QĐ30/2023	TH004759	
125	Nguyễn Văn Đạt	Nam	26/4/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	5.5	240/QĐ30/2023	TH004760	
126	Nguyễn Quang Đạt	Nam	28/3/2003	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	241/QĐ30/2023	TH004761	
127	Lê Hồng Đức	Nam	19/7/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	242/QĐ30/2023	TH004762	
128	Trịnh Minh Đức	Nam	10/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	243/QĐ30/2023	TH004763	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
129	Lê Quang Duy	Nam	06/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	244/QĐ30/2023	TH004764	
130	Trần Thị Phương Duyên	Nữ	16/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	245/QĐ30/2023	TH004765	
131	Phạm Thanh Giang	Nam	27/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	246/QĐ30/2023	TH004766	
132	Phan Văn Hiếu	Nam	17/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	247/QĐ30/2023	TH004767	
133	Nguyễn Nhật Hoàng	Nam	16/3/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	248/QĐ30/2023	TH004768	
134	Lê Thị Khánh Huyền	Nữ	18/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	5.5	249/QĐ30/2023	TH004769	
135	Đặng Thị Thảo Linh	Nữ	01/9/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	250/QĐ30/2023	TH004770	
136	Phạm Thùy Linh	Nữ	20/10/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	251/QĐ30/2023	TH004771	
137	Đào Đức Mạnh	Nam	21/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	252/QĐ30/2023	TH004772	
138	Lại Thị Mỹ	Nữ	10/3/2005	Thừa Thiên Huế	Kinh	5.7	5.0	253/QĐ30/2023	TH004773	
139	Đoàn Đình Quân	Nam	14/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	254/QĐ30/2023	TH004774	
140	Nguyễn Nhật Quân	Nam	25/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	255/QĐ30/2023	TH004775	
141	Nguyễn Nhân Quý	Nam	07/4/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	256/QĐ30/2023	TH004776	
142	Cao Minh Tài	Nam	29/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	257/QĐ30/2023	TH004777	
143	Phạm Tiến Tài	Nam	12/12/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	258/QĐ30/2023	TH004778	
144	Nguyễn Hữu Thành	Nam	26/9/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	259/QĐ30/2023	TH004779	
145	Nguyễn Trường Thành	Nam	22/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	260/QĐ30/2023	TH004780	
146	Nguyễn Văn Thảo	Nam	20/7/2003	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	261/QĐ30/2023	TH004781	
147	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	16/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	262/QĐ30/2023	TH004782	
148	Trần Ngọc Thuận	Nam	16/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	263/QĐ30/2023	TH004783	
149	Nguyễn Văn Thương	Nam	05/3/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	264/QĐ30/2023	TH004784	
150	Đinh Nhật Tiến	Nam	12/10/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	265/QĐ30/2023	TH004785	
151	Trần Viết Trung	Nam	15/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	266/QĐ30/2023	TH004786	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
152	Dương Văn Trung	Nam	22/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	267/QĐ30/2023	TH004787	
153	Hoàng Nghĩa Tú	Nam	15/02/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	268/QĐ30/2023	TH004788	
154	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	24/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	269/QĐ30/2023	TH004789	
155	Nguyễn Thành Việt	Nam	17/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	270/QĐ30/2023	TH004790	
156	Lê Trường Vũ	Nam	22/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	271/QĐ30/2023	TH004791	
157	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	01/01/1999	Hà Tĩnh	Kinh	7.3	8.0	104/QĐ30/2023	TH004607	
158	Nguyễn Thị Bình	Nữ	01/11/1984	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	105/QĐ30/2023	TH004608	
159	Nguyễn Quốc Huy	Nam	28/6/1980	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	106/QĐ30/2023	TH004609	
160	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	01/02/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	107/QĐ30/2023	TH004610	
161	Phạm Thị Hà Linh	Nữ	15/6/1995	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	108/QĐ30/2023	TH004611	
162	Tăng Tiến Dinh	Nam	27/10/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	186/QĐ30/2023	TH004612	
163	Vi Thị Lê Na	Nữ	30/8/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	187/QĐ30/2023	TH004613	
164	Cao Tiến Anh	Nam	22/9/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	188/QĐ30/2023	TH004614	
165	Võ Thị Giang	Nữ	07/5/1996	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	189/QĐ30/2023	TH004615	
166	Nguyễn Thị Hà	Nữ	18/8/1990	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	190/QĐ30/2023	TH004616	
167	Dương Thị Hồng Nhung	Nam	26/6/1997	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	191/QĐ30/2023	TH004617	
168	Lê Thị Thảo	Nữ	03/5/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	192/QĐ30/2023	TH004618	
169	Lê Thị Bé	Nữ	20/6/1990	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	272/QĐ30/2023	TH004619	
170	Bùi Thị Thanh Bình	Nữ	04/9/1982	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	273/QĐ30/2023	TH004620	
171	Trần Thị Hồng Cẩm	Nữ	06/7/1988	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	274/QĐ30/2023	TH004621	
172	Nguyễn Thị Hải	Nữ	03/02/1976	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	275/QĐ30/2023	TH004622	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
173	Vương Thị Thúy Hằng	Nữ	11/3/1986	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	276/QĐ30/2023	TH004623	
174	Đặng Thị Thúy Hằng	Nữ	05/12/1980	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	277/QĐ30/2023	TH004624	
175	Hồ Thị Thoa	Nữ	10/5/1977	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	278/QĐ30/2023	TH004625	
176	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	14/4/1979	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	279/QĐ30/2023	TH004626	
177	Cao Thị Huế	Nữ	23/12/1977	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	280/QĐ30/2023	TH004627	
178	Võ Thị Lộc	Nữ	23/11/1995	Nghệ An	Kinh	7.3	6.5	281/QĐ30/2023	TH004628	
179	Thái Thị Lộc	Nữ	20/7/1983	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	282/QĐ30/2023	TH004629	
180	Võ Thị Tuyết Mai	Nữ	08/7/1977	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	283/QĐ30/2023	TH004630	
181	Nguyễn Huệ Ngân	Nữ	22/01/1999	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	284/QĐ30/2023	TH004631	
182	Phan Thị Tâm	Nữ	01/8/1986	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	285/QĐ30/2023	TH004632	
183	Hoàng Thị Thơ	Nữ	12/9/1980	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	286/QĐ30/2023	TH004633	
184	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	25/02/1983	Nghệ An	Kinh	6.7	6.0	287/QĐ30/2023	TH004634	
185	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	11/9/1997	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	288/QĐ30/2023	TH004635	